

ĐẶC TRƯNG DÂN TỘC CỦA MỘT SỐ CÁCH TIẾP NHẬN LỜI KHEN TRONG VĂN HÓA GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI NGA VÀ NGƯỜI VIỆT

Nguyễn Thu Hương*

Bài báo đề cập đến các cách thức tiếp nhận lời khen mang đặc trưng dân tộc như cảm ơn, khẳng định/nâng cao mức độ khen ngợi, chia sẻ thông tin và khen phản hồi. Tác giả nghiên cứu các phản ứng này trên cơ sở các ngữ liệu thu thập được từ các bộ phim, các truyện hiện đại của Nga và Việt Nam.

Từ khóa: cách thức tiếp nhận lời khen, cảm ơn, khẳng định/nâng cao mức độ khen ngợi, chia sẻ thông tin, khen phản hồi.

This article discusses the ways to receive compliments containing national characteristics such as thanks, affirmation/enhancement of praises, sharing information and returning compliments. The author studies these reactions on the basis of the texts collected from modern Russian and Vietnamese films and stories.

Key words: ways to receive compliments, thanks, affirmation/enhancement of praise, sharing information, returning compliments.

1. Dẫn nhập

Hành động lời nói “khen” nhằm mục đích thiết lập mối quan hệ trong hoạt động giao tiếp của con người là một đề tài thu hút được sự quan tâm của rất nhiều nhà nghiên cứu. Tuy nhiên, các cách thức tiếp nhận lời khen vẫn chưa được đào sâu nghiên cứu. Trong khi đó, nếu coi “khen” là một hành động mang tính dẫn dắt, thì tiếp nhận lời khen là hành động mang tính đáp lại, và cả lời khen và lời đáp lại tạo nên một cặp chỉnh thể đối thoại. Vì thế, việc phân tích hành động lời nói “khen” chỉ dựa vào một thành phần của cặp chỉnh thể trong đối thoại là chưa đủ. Hơn nữa,

chính cách phản ứng đáp lại lời khen mới cho phép đánh giá mức độ thành công hay không thành công của hành động lời nói “khen”. Bởi vậy, đối tượng nghiên cứu được đặt ra trong bài viết này là cách thức tiếp nhận lời khen trong đối thoại.

Hành động khen và tiếp nhận lời khen tồn tại trong mọi nền văn hóa và ngôn ngữ. Nghiên cứu về hành động khen và tiếp nhận lời khen trong bản thân một ngôn ngữ đã có khá nhiều công trình khác nhau, tuy nhiên việc tìm hiểu hành động khen và hành động đáp lại, tức tiếp nhận lời khen, trong sự so sánh – đối chiếu giữa các ngôn ngữ khác nhau thì chưa có nhiều tác giả đề cập đến. Trên thế giới, có thể kể đến một số công trình nghiên cứu về lời khen khi so sánh đối chiếu giữa một số ngôn ngữ

* TS., Khoa Giáo dục Mầm non, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

Email: thuhuongs2@yahoo.com.au

khác nhau, chẳng hạn như Daikuhara M. đối chiếu tiếng Anh và tiếng Nhật, Chen R. đối chiếu giữa tiếng Anh – Mỹ và tiếng Trung Quốc. Ở Nga có thể kể đến các công trình của Д.В. Белан, Ю.В. Жуматовой, В.Я. Мищенко, И.Ю. Мосоловой, Р.В.Серебряковой đối chiếu tiếng Nga với tiếng Anh hoặc tiếng Pháp. Các tác giả người Việt, như Kiều Thị Thu Hương (2006), Nguyễn Văn Quang (1999), Hồ Thị Kiều Oanh (2000) - đều nghiên cứu về lời khen và sự tiếp nhận lời khen trong sự đối chiếu giữa tiếng Việt với tiếng Anh-Anh và tiếng Anh-Mỹ. Ngoài ra, còn có tác giả Phạm Thị Hà (2013) đi sâu nghiên cứu sự chi phối của yếu tố giới tính đến hành động thể hiện lời khen và tiếp nhận lời khen. Tác giả cho rằng, yếu tố giới tính có sự tác động tới mục đích, đề tài, cách thức thể hiện và tiếp nhận lời khen.

Các nhà nghiên cứu Nga, Nhật và Trung Quốc cũng đã tìm hiểu một số phản ứng cơ bản khi tiếp nhận lời khen, như: cảm ơn, khẳng định lời khen, lảng tránh, giảm mức độ khen, phủ định, khen phản hồi. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu đối chiếu cho thấy cách thức tiếp nhận lời khen ở mỗi quốc gia lại không giống nhau do sự khác biệt về ngôn ngữ và văn hóa dân tộc. Ở Việt Nam, khi đối chiếu các cách thức tiếp nhận lời khen giữa người Việt và người Anh hoặc Mỹ, các nhà nghiên cứu hoặc chỉ ra sự khác biệt trong chiến lược tiếp nhận lời khen dựa vào thông số của người khen và người được khen (Nguyễn Văn Quang), hoặc xét lời

hỏi đáp trên góc độ từ ngữ, cấu trúc và những tương tác ngôn ngữ xã hội (Hồ Thị Kiều Oanh), hoặc xét các cách thức tiếp nhận lời khen trong sự chi phối của yếu tố giới tính (Phạm Thị Hà).

Khi nghiên cứu về cách tiếp nhận lời khen khi đối chiếu giữa tiếng Việt và tiếng Nga, chúng tôi xác định được 10 cách thức tiếp nhận lời khen trong văn hóa giao tiếp của người Nga và người Việt, gồm: cảm ơn, khẳng định/nâng cao mức độ khen, hạ giảm mức độ khen, chia sẻ thông tin, bộc lộ cảm xúc, phủ định, lảng tránh, hỏi lại, khen phản hồi và phản ứng lòng ghép. Tuy nhiên, trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi không xem xét tất cả các cách thức tiếp nhận lời khen, mà chỉ tập trung phân tích bốn cách thức: cảm ơn, khẳng định/nâng cao mức độ khen ngợi, chia sẻ thông tin và khen phản hồi. Đây là những cách tiếp nhận biểu thị thái độ đồng tình với lời khen ngợi.

Để xác định được đặc trưng dân tộc của những cách tiếp nhận lời khen này, chúng tôi tìm hiểu chúng trong hai nền văn hóa giao tiếp của người Nga và người Việt.

2. Kết quả nghiên cứu

Tư liệu nghiên cứu mà chúng tôi sử dụng là những lời khen thu được từ 630 đối thoại khen - đáp ngẫu nhiên trong các tác phẩm phim truyện và các tác phẩm văn học hiện đại của Nga và Việt Nam.

Khi nghiên cứu các tư liệu này, chúng tôi thấy rằng những cách tiếp nhận lời khen [5: 50] đã nêu đều được sử dụng

trong cả hai ngôn ngữ, tuy nhiên mức độ sử dụng chúng trong mỗi ngôn ngữ lại không tương đương nhau. Số liệu cụ thể được thể hiện trong bảng sau:

STT	Cách thức tiếp nhận lời khen	Ngôn ngữ Nga (%)	Ngôn ngữ Việt (%)
1	Cảm ơn	8,26	7,62
2	Khẳng định/ nâng cao mức độ khen	13,38	11,53
3	Chia sẻ thông tin	5,12	6,67
4	Khen phản hồi	3,46	4,76

3. Phân tích kết quả nghiên cứu

3.1. Tiếp nhận lời khen bằng cách cảm ơn

Cảm ơn là một trong những cách thức tiếp nhận lời khen phổ biến nhất, được sử dụng rộng rãi trong văn hóa giao tiếp của người Nga và người Việt hiện nay.

- *Ух, тетя Лена, вы такая красавица! Как вам это платье идет!* (Ồi, cô Lena, trông cô thật đẹp! Chiếc váy này rất hợp với cô!)

- *Спасибо.* (Cảm ơn cháu.) [11]

- *Ồ, gặp Hàn Thủy ngoài đời xinh gặp bội.*

- *Cám ơn anh!* [2]

Tuy nhiên, đặc điểm dân tộc cũng quy định sự biểu đạt của cách thức tiếp nhận lời khen này.

Nếu như việc nói lời “cảm ơn” là nghi thức giao tiếp điển hình của người Nga, thì trong văn hóa giao tiếp của người Việt, lại được coi là nghi thức khá mới mẻ và

được du nhập từ văn hóa phương Tây. Điều này không có nghĩa rằng người Việt Nam trước đây không bao giờ nói “cảm ơn”. Để bày tỏ sự biết ơn (ví dụ trong trường hợp được nhận quà), thay vì nói “cảm ơn”, người Việt sẽ dùng các mẫu câu như: “Cháu xin ạ!/ Em xin!/ Bà xin!”... Cách nói này vừa bày tỏ lòng biết ơn, vừa thể hiện sự khiêm nhường của người nói. Những mẫu câu trên chủ yếu được dùng khi nói chuyện với người lớn tuổi, và hiện nay vẫn được sử dụng cùng với câu “Cảm ơn!”.

Cảm ơn cũng là một cách mới của người Việt để phản ứng lại lời khen. Nếu như trước đây, khi tiếp nhận lời khen, người Việt thường chọn cách nói giảm nói tránh, im lặng hoặc cười đáp lại để thể hiện sự khiêm tốn, thì bây giờ lời “Cảm ơn!” đã trở thành một trong những cách thức tiếp nhận lời khen điển hình, cho thấy một sự thay đổi trong văn hóa giao tiếp hiện nay của người Việt. Lời cảm ơn giúp người được khen không những thể hiện được vị thế của mình trong giao tiếp, mà còn biểu đạt được sự đồng tình với nội dung lời khen. Ngoài ra, lời cảm ơn còn được coi là một cách thể hiện lịch sự trong giao tiếp.

Sau khi phân tích các ví dụ về lời khen và cách thức tiếp nhận lời khen, chúng tôi rút ra kết luận rằng, khi thể hiện sự biết ơn, người được khen thường nói “cảm ơn” kèm theo lời bình luận hoặc giải thích.

- *Александра, вам очень идет желтый цвет.* (Aleksandra, chị rất hợp với màu vàng đấy.)

- *Спасибо, это мой любимый.* (Cảm ơn em, đây là màu yêu thích của chị mà). [10]

- *Công ty tuy là quảng cáo nhưng thế mạnh vẫn là tổ chức các sự kiện. Do đó công ty rất cần một người họa sỹ thiết kế giỏi như cậu.*

- *Cảm ơn anh vì đã tin tưởng.* [7]

Câu trả lời trong các ví dụ trên có kèm theo lời giải thích về lý do nhận được lời khen, thể hiện sự đồng tình một cách chân thành của người nghe với lời khen của người nói. Điều này không những thể hiện được thái độ đồng tình của người tiếp nhận mà còn thể hiện được mức độ chân thành trong lời đáp. Bởi trong nhiều trường hợp, nếu chỉ đơn thuần nói cảm ơn sẽ khiến người khen hoài nghi về mức độ chân thành của người tiếp nhận và coi đó là lời cảm ơn “mang tính hình thức”.

Qua phân tích ngữ liệu, chúng tôi nhận thấy cả người Nga và người Việt đều hay dùng lời cảm ơn để tiếp nhận lời khen, tuy nhiên người Nga sử dụng lời cảm ơn nhiều hơn so với người Việt. Bởi vì cảm ơn được coi là cách thể hiện sự lịch sự mà người Nga thường xuyên sử dụng trong giao tiếp [15: 73]. Đối với người Việt, mặc dù lời cảm ơn ngày nay đã trở thành một phần nghi thức giao tiếp trong văn hóa, nhưng nó vẫn chưa được coi là cách thức tiếp nhận lời khen thông dụng.

3.2. Khẳng định/nâng cao mức độ khen

Sự khẳng định hay nâng cao mức độ khen ngợi là cách mà người được khen thể

hiện sự đồng tình với nội dung lời khen hoặc thêm bình luận nhằm nâng cao mức độ khen ngợi. Bằng cách này, người được khen muốn khẳng định mình xứng đáng nhận được lời khen đó.

- *А знаете, я вас побаивалась сначала,- призналась Лошадка, - но теперь вижу, что, кажется, ошиблась - вы хороший... добрый.* (Ông biết không, ban đầu tôi đã rất sợ ông, - Loshadka thừa nhận, - nhưng bây giờ tôi đã nhận ra là tôi sai – ông là một người tử tế...tốt bụng.)

- *Конечно, я хороший... конечно, я добрый... - покачиваясь с носков на пятки, подтвердил хозяин и пожелал Лошадке спокойной ночи.* (Tất nhiên, ta là người tử tế... tất nhiên, ta rất tốt bụng... - lắc lư đôi vớ và gót chân, ông chủ khẳng định và chúc Loshadka ngủ ngon) [13]

- *Chị mặc bộ này đẹp lại lịch sự nữa.*

- *Chị cũng thấy vậy.*[6]

Có thể khẳng định lại lời khen một cách trực tiếp và rõ ràng như trong hai ví dụ trên, cũng có thể khẳng định gián tiếp bằng các cách nói ngụ ý, ví dụ:

- *Này, nhìn anh đẹp trai phết nhỉ!*

- *Câu này anh nghe nhiều lần rồi.*[4].

Trong ví dụ này, người được khen không trực tiếp khẳng định lại nội dung lời khen mà lại nói rằng đó là điều những người khác đã nói về mình. Cách nói hàm ý này, thường được sử dụng khi người được khen cảm thấy ngượng ngùng, bối rối trước lời khen.

Trong các ví dụ trên, câu đáp lại lời khen là các câu hoàn chỉnh về mặt cú pháp. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, câu đáp lại được thể hiện chỉ bằng một thán từ, ví dụ:

- *Очень вежливая девочка.* (Một cô bé rất lịch sự.)

- *Ага.* (À há.) [18]

- *Bà anh vui tính thật đấy!*

- *À há.* [1]

Ở ví dụ trên, thán từ «ага» (à há), thường xuất hiện trong văn phong nói, thể hiện sự đồng tình của người nghe với nội dung lời khen. Trong tiếng Nga, thán từ này có thể sử dụng cả khi giao tiếp với người lớn tuổi và với người cùng trang lứa. Tuy nhiên, trong tiếng Việt thán từ này chỉ được dùng khi nói chuyện với người cùng hoặc ít tuổi hơn, còn với người lớn tuổi sẽ bị coi là bất lịch sự. Trong ví dụ thứ hai, chàng trai người Việt đã đáp lại “À há.” sau khi nhận được lời khen từ cô bạn gái ít tuổi hơn mình. Cũng chính chàng trai này khi được một người phụ nữ lớn tuổi khen ngợi, anh ta lại tiếp nhận lời khen bằng một cách khác:

- *Đúng là cậu chu đáo với bà quá!*

- *Dạ.* [1].

Từ “dạ” trong ví dụ trên không chỉ khẳng định lại lời khen, mà còn thể hiện sự tôn trọng đối với người lớn tuổi.

Trong một số trường hợp khác, người được khen không chỉ khẳng định lại lời khen, mà còn có thể nâng cao mức độ khen ngợi theo cách của mình, ví dụ:

- *...Ты же такой мягкий, такой хороший...* (Bạn thật là dịu dàng, tốt bụng...)

- *Конечно, я хороший! Самый лучший!*
- *воскликнул я* (Tất nhiên rồi, tôi là người tốt! Tuyệt vời nhất! – tôi reo lên). [17]

- *Này, em không nghĩ là anh lại nhảy đẹp như thế đấy!*

- *Ừ giờ, em chỉ được cái nói đúng thôi! Thằng này cái gì chẳng giỏi.* [3]

Trong các ví dụ trên, người tiếp nhận lời khen không chỉ khẳng định lại nội dung lời khen, mà còn nâng nó lên ở mức cao hơn. Đối chiếu với những điều kiện mà Pomerantz đưa ra [8: 79-112] - tránh phản bác lại lời khen hoặc tự đề cao bản thân quá mức, - có thể thấy rằng, cách thức tiếp nhận lời khen trong những ví dụ này đã vi phạm điều kiện thứ hai (tránh đề cao bản thân thái quá). Việc tự nâng cao mức độ khen ngợi có thể phá hỏng tâm trạng người đối diện, vì người nói không đạt được mục đích của mình là muốn khen ngợi. Tuy nhiên, trong trường hợp này người khen cũng không được phép phá vỡ nguyên tắc giao tiếp.

Chúng tôi nhận thấy rằng, người Nga sử dụng cách thức này nhiều hơn so với người Việt. Bởi vì, người Nga coi việc khẳng định lại nội dung lời khen là một cách thể hiện sự tôn trọng đối với người khen và với chính bản thân mình. Còn đối với người Việt, việc khẳng định lại lời khen bị coi là đề cao bản thân thái quá, có thể trở thành nguyên nhân gây đổ vỡ mối quan hệ với người khen. Tuy vậy, sự xuất hiện của những cách dùng ở trên trong các

tác phẩm văn học, các bộ phim hiện nay cho thấy, người Việt đã dần thay đổi suy nghĩ khi cho rằng khẳng định lại lời khen có thể là “sự hạ thấp” người đối thoại. Theo đó, cách thức tiếp nhận lời khen này ngày càng được sử dụng nhiều hơn trong văn hóa giao tiếp của người Việt hiện nay.

3.3. Chia sẻ thông tin

Chia sẻ thông tin là cách mà người tiếp nhận lời khen bổ sung những thông tin có liên quan đến nội dung khen mà người nói vừa đưa ra. Đây là một trong những cách tiếp nhận thông minh, bởi nó vừa thể hiện sự đồng tình với lời khen vừa bổ sung thông tin hữu ích. Việc bổ sung thông tin này làm cho người khen thấy rằng người nhận quan tâm thực sự đến nội dung khen mà mình đưa ra. Điều này cũng phù hợp với nguyên tắc quan yếu về đề tài mà Grice đã đề xuất trong hội thoại [dẫn theo 1: 249]

- *У тебя хороший отец, - неожиданно сам для себя сказал Женя.* (Bạn có một người cha tốt, Zenya đột nhiên tự nhủ.)

- *Да, мы с папой всегда очень дружили. Он меня много баловал, а маме это не нравилось.* (Vâng, cha tôi và tôi luôn rất thân thiết. Ông rất chiều chuộng tôi, và mẹ tôi không thích điều đó.) [15]

- *Em nói thật mà. Chị vẽ đẹp mà cắt may cũng đẹp nữa. Em tưởng thiết kế thời trang là chỉ có ngồi vẽ với chọn vải thôi.*

- *Phải biết cắt may nữa thì mới dựng được bộ quần áo mình đã vẽ. Kể cả có thợ*

làm cho thì mình cũng phải biết để nói cho họ hiểu mà làm đúng ý mình, hoặc khi phải sửa chỗ này chỗ kia... [9]

Chia sẻ luôn là một nhu cầu chính đáng của con người. Ở ví dụ thứ nhất, khi người nói khen ngợi cha của cô gái thì cô liền kể cho người đàn ông nghe những kỉ niệm đẹp của mình với cha. Việc chia sẻ này đã cung cấp thêm thông tin cho người khen, đồng thời cũng là cách cô gái “chứng minh” lời khen kia là hoàn toàn đúng. Trong ví dụ thứ hai, cách chia sẻ có chút khác biệt. Cô gái ở đây chia sẻ thông tin với bạn gái về những đòi hỏi trong công việc thiết kế thời trang của mình để cho bạn hiểu rõ hơn.

Rất nhiều trường hợp ta thấy người nhận bổ sung thông tin về nguồn gốc của những đồ vật được khen, chẳng hạn:

- *Да, ты уже совсем самостоятельная. Платьишко красивое на тебе.* (Ừ, cháu đã lớn rồi đấy. Bộ váy rất hợp với cháu.)

- *Мама купила.* (Mẹ cháu mua đấy.) [16]

- *Áo đẹp lắm mẹ ạ! Mẹ mặc cái gì trông cũng đẹp.*

- *Thanh Mai mua cho mẹ đó! Tháng lương đầu tiên nó chẳng mua gì cho bản thân, dành hết tiền mua cho mẹ và con đó.* [8]

Trong hai ví dụ trên, người nhận đều chia sẻ thông tin về người mua váy, người tặng chiếc áo đẹp. Đây là cách chia sẻ thông tin thường thấy khi người nói khen

ngợi những vật sở hữu của người đối thoại. Cách chia sẻ này vừa cung cấp thông tin vừa là cách người nghe “ngâm” khen ngợi người đã tặng đồ vật cho mình.

Tiếp nhận khen bằng cách chia sẻ thông tin được người Việt sử dụng ở hầu hết các đề tài khen như cách ăn mặc, nghề nghiệp, kĩ năng, tài năng, gia đình, vật sở hữu,... Còn người Nga cũng sử dụng cách thức này nhưng không nhiều bằng người Việt. Điều này có thể là do ảnh hưởng của văn hóa “làng xã” tới cách giao tiếp của người Việt. Những người trong cùng khu vực thường có thói quen chia sẻ với nhau những thông tin về cuộc sống, gia đình, người thân, công việc,... để thể hiện sự quan tâm hoặc sự giao lưu, động viên và giúp đỡ nhau khi cần thiết. Có thể nói rằng, tính cộng đồng có ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của mỗi gia đình người Việt. Đặc điểm này có nhiều khác biệt đối với người Nga vốn rất tôn trọng cuộc sống riêng tư của mỗi cá nhân, mỗi gia đình. Do đó, người Nga chỉ chia sẻ thông tin về nội dung khen ở một số đề tài nhất định, chẳng hạn như là về nghề nghiệp, kĩ năng, cách ăn mặc, vật sở hữu.

3.4. Khen phản hồi

Khi người nhận đáp lại người nói bằng một lời khen thì đó chính là khen phản hồi. Lời khen phản hồi được coi là một chiến lược tiếp nhận lời khen khéo léo và trung hòa nhất, bởi nó tạo nên sự cân bằng và bình đẳng giữa người nói và người nghe vì cả hai đều được tôn vinh thể diện. Tuy nhiên nếu không được thực hiện một cách

hợp lí, tế nhị, lời khen phản hồi có khi lại phản tác dụng vì được coi như một sự “trả nợ” hành động khen. Khi khen phản hồi thường phải chú ý nguyên tắc: nội dung lời khen phản hồi nên có mức độ (chất lượng) tương đương hoặc cao hơn so với lời khen của người nói được đưa ra trước đó, như vậy mới thể hiện được sự chân thành của người hồi đáp.

- *Ты отлично танцуетшь!* (Bạn khiêu vũ rất tuyệt vời!)

- *Вы тоже.* (Bạn cũng vậy.) [12]

- *Cậu mới về phòng, mới tiếp xúc với Hoàng Trung mà đã nắm được nội tình như thế, cậu quá giỏi đấy.*

- *Dạ, thì tất cả em cũng học hỏi ở anh.* [5]

Ở ví dụ thứ nhất, người nhận hồi đáp bằng một lời khen ngắn gọn “Вы тоже.”. Lời khen đáp này thể hiện sự ngang bằng về mức độ nội dung khen. Mức độ tôn vinh thể diện của người khen và người hồi đáp là như nhau trong trường hợp này. Tuy nhiên ở ví dụ thứ hai, lời khen hồi đáp của người nhận cho ta thấy có chút khác biệt: người nhận không những đã khen, mà còn tôn vinh thể diện cho người khen lên một bậc. Hơn nữa, câu khen đáp cũng sử dụng từ tình thái “Dạ” biểu thị sự nhún nhường, lễ độ của người nói, vì anh ta đang khen lại sếp của mình.

Lời khen phản hồi có khi được thể hiện ngắn gọn, nhưng cũng có khi được thể hiện rất dài, có thể bằng nhiều câu như:

- *Какой ты у меня красивый, сынок!*
 – *сказала она, восторженно глядя на Алексея.* (Ôi, con trai mẹ thật đẹp trai! Cô ấy nói, nhiệt tình nhìn sang Alexei.)

- *А ты, мама, кажется, время начало крутиться в обратную сторону. Ты молодеешь и молодеешь. Это, кажется, называется "ретробиология".* (Còn mẹ! Đường như thời gian đã bắt đầu quay theo hướng ngược lại. Mẹ càng ngày càng trẻ ra. Điều này, có vẻ như, được gọi là hiện tượng trẻ hóa.) [14]

- *Được rể như cậu Khang thì tôi cũng mát mày, mát mặt.*

- *Vâng, được cháu của chị về làm dâu với gia đình nhà em đúng là phúc mấy đời!* [5]

Kết quả khảo sát ngữ liệu cho thấy, người Việt sử dụng hành động khen phản hồi nhiều hơn so với người Nga (người Nga: 3,46%; người Việt: 4,76%). Điều này có thể giúp ta nhận định rằng, tuy người Nga rất “hào phóng” trong việc đưa ra lời khen ngợi nhưng có vẻ họ cũng lại rất “chi li” về khen phản hồi. Ngược lại, người Việt tuy không rộng rãi trong việc đưa ra lời khen nhưng lại khá “thoáng” trong việc khen phản hồi. Điều này có lẽ vẫn xuất phát từ tính cách khiêm nhường của người Việt trong cách ứng xử. Và hơn thế nữa, người Việt cũng có truyền thống mến khách, nên trong giao tiếp luôn muốn làm hài lòng khách hoặc đối tác [6:84]. Do đó, khi nhận được lời khen ngợi họ thường khen đáp lại để tỏ lòng mến khách

của mình. Đây là những nét văn hóa lâu đời của người Việt.

4. Kết luận

Trên cơ sở phân tích các trường hợp phản ứng lại lời khen bằng cách cảm ơn và khẳng định hoặc nâng cao mức độ khen ngợi, chia sẻ thông tin về nội dung khen và khen phản hồi, có thể rút ra kết luận rằng, đây là những cách tiếp nhận lời khen thể hiện sự đồng tình với lời khen của người được khen trong văn hóa giao tiếp của người Nga và người Việt. Tuy nhiên, trong bốn chiến lược tiếp nhận ấy không có sự đồng đều trong việc sử dụng chúng ở hai quốc gia, dân tộc.

Trong những cách tiếp nhận lời khen, cách chia sẻ thông tin và khen phản hồi được sử dụng không thường xuyên bằng cách cảm ơn và khẳng định/ nâng cao mức độ khen. Tuy nhiên, người Việt thiên về sử dụng cách chia sẻ thông tin và khen phản hồi. Đây là những cách tiếp nhận lời khen thể hiện được sự thân thiện, gần gũi của người Việt trong giao tiếp. Đồng thời, để thể hiện lòng mến khách, để tăng cường thể diện cho người nói, người Việt cũng thường xuyên sử dụng lời khen đáp hơn người Nga.

Trong bốn cách tiếp nhận ở trên, hai cách cảm ơn và khẳng định/ nâng cao mức độ khen được sử dụng với tỉ lệ cao hơn trong cả hai ngôn ngữ. Tuy nhiên tỉ lệ sử dụng chúng trong mỗi ngôn ngữ không giống nhau (xin xem bảng số liệu trên). So với người Việt, người Nga sử dụng cách thức cảm ơn và khẳng định/nâng cao mức

độ khen ngợi nhiều hơn. Điều này thể hiện sự mạnh dạn, tự tin trong tính cách của người Nga khi giao tiếp. Còn người Việt, với nền văn hóa Á Đông cùng tính cách khiêm nhường, và để thể hiện sự khiêm tốn, người Việt thường tránh bày tỏ sự đồng tình với nội dung lời khen và cho rằng điều này không phù hợp với quy tắc giao tiếp. Tuy nhiên, cùng với quá trình hội nhập văn hóa, các cách thức tiếp nhận lời khen đó đã được du nhập vào văn hóa Việt Nam, được người Việt sử dụng rộng rãi hơn trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong các tác phẩm văn học và các bộ phim hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu, *Đại cương ngôn ngữ học*, tập 2, Nxb. Giáo dục, 2001.
2. Phạm Thị Hà, *Đặc điểm ngôn ngữ giới trong giao tiếp tiếng Việt (Qua hành vi khen và tiếp nhận lời khen)*: luận án tiến sĩ ngữ văn, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Học viện Khoa học xã hội, 2013.
3. Kiều Thị Thu Hương, Cách đáp lại lời khen trong tiếng Anh và tiếng Việt trên bình diện hội thoại, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 1, 2006.
4. Hồ Thị Kiều Oanh, Về cách thức tiếp nhận lời khen trong phát ngôn Việt và Mỹ, *Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống*, số 5, 2000.
5. Nguyễn Văn Quang, *Một số khác biệt giao tiếp lời nói Việt – Mỹ trong cách thức khen và tiếp nhận lời khen*: luận án tiến sĩ ngôn ngữ học, Trường Đại học KHXH & NV, Đại học Quốc gia Hà Nội, 1999.
6. Phạm Minh Thảo, *Nghệ thuật ứng xử của người Việt*, Nxb. Văn hoá thông tin, Hà Nội, 2010.
7. Trần Ngọc Thêm, Vấn đề bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam, *Tạp chí Khoa học xã hội*, số 42, tr. 24-32, 1999.
8. Pomerantz A., *Compliment Responses: Notes on the Cooperation of Multiple Constraints* // *Studies in the Organisation of Conversational Interaction*. – New York: Academic Press, 1978. – P. 79-112
9. Chen R. Responding to compliments: A contrastive study of politeness strategies between American English and Chinese speakers. *Journal of Pragmatics*. 1993. 20. – P. 49-75.
10. Daikuhara M. A study of Compliments from a cross-cultural perspective: Japanese and English // *Working papers in Educational Linguistics*, 1986.
11. Белан Д.В. Комплимент в американской и французской коммуникативных культурах: сопоставительный анализ: дис... к.ф.н: 10.02.20. – Москва: РУДН, 2007.
12. Жуматова Ю.В. Лингвокультурологические особенности русского и английского комплиментов: на материале художественных произведений XIX века: дис..... к.филол.н.: 10.02.20. – Челябинск: ТГУ, 2009.
13. Мищенко В.Я. Комплимент в речевом поведении представителей англоязычных (британской и американской) культур: автореферат дис.... к.филол.н: 10.02.04. – Харьков, 1999.
14. Мосолова И.Ю. Комплиментарные высказывания с позиции теории речевых актов: На материале французского, русского и английского языков: дис.... к.ф.н.: 10.02.19. – Москва: Ин-т языкознания РАН, 2005.
15. Серебрякова Р.В. Национальная специфика речевых актов комплимента и похвалы в русской и английской коммуникативных культурах: дис... к.филол.н: 10.02.19. - Воронеж, 2002.
16. Формановская Н.И., *Русский речевой этикет: лингвистический и методический аспекты*, 2-е изд., перераб и доп. М.: Русский язык, 1987.

NGUỒN TƯ LIỆU TRÍCH DẪN PHIM, TRUYỆN VIỆT:

1. Nguyễn Khải Anh (Đạo diễn), *Bà nội không ăn pizza*, Hãng phim Thiên Ngân, 2010.
2. Nguyễn Mạnh Hà (Đạo diễn), *Lời thú nhận của Eva*, Hãng phim Thiên Ngân, 2011.
3. Hoàng Nhung (Đạo diễn), *Luật đời*, Hãng phim VFC, 2007
4. Mai Hồng Phong (Đạo diễn), *Mặt nạ da người*, Hãng phim VFC, 2012.
5. Đỗ Hồng Sơn, Trọng Trinh, Bùi Tiến Huy (đạo diễn), *Câu vòng tình yêu*, Trung tâm sản xuất phim truyền hình VFC, Đài truyền hình Việt Nam, 2012.
6. Bùi Huy Thuần (Đạo diễn), *Những cánh hoa bay*, Hãng phim VFC, 2008.
7. Trần Trung (Đạo diễn), *Chàng trai đa cảm*, Hãng phim Đông A, 2007.
8. Nguyễn Bích Hồng, *Vợ ơi anh biết lỗi rồi* // [http:// vnthuquan.net / truyen / truyen.aspx?tid=2qtqv3m3237nvn1nqnnn3n31n343tq83a3q3m3237nnn](http://vnthuquan.net/truyen/truyen.aspx?tid=2qtqv3m3237nvn1nqnnn3n31n343tq83a3q3m3237nnn)
9. Trần Thu Trang, *Cocktail cho tình yêu* // [http:// vnthuquan.net / truyen / truyen.aspx?tid=2qtqv3m3237nvn0n4nmn1n31n343tq83a3q3m3237nvn](http://vnthuquan.net/truyen/truyen.aspx?tid=2qtqv3m3237nvn0n4nmn1n31n343tq83a3q3m3237nvn)

PHIM, TRUYỆN NGA:

10. Мамедов А. (Режиссер), *Влюблен и безоружен*, Свердловская к/ст, PRIOR, 2010.
11. Олег Массарыгин (Режиссер), *Ключи от счастья - 2*, Кинокомпания «Русское», 2011.
12. Щербинин А. (режиссер), *Моя последняя первая любовь*, производство Триикс Медиа, 2011
13. Лебедева Г.В., *Огуречная Лошадка*// [http:// lit.lib.ru /l/lebedewa_g/prikluheniyaogurechnoiloshadki.shtml](http://lit.lib.ru/l/lebedewa_g/prikluheniyaogurechnoiloshadki.shtml)
14. Матрос Л., *Называется жизнь* // [http:// www.lib.ru / NEWPROZA / MATROS / zhizn.txt_with-big-pictures.html](http://www.lib.ru/NEWPROZA/MATROS/zhizn.txt_with-big-pictures.html)
15. Маляренко Т., *Луч надежды* // [http:// www.netslova.ru / malyarenko / luch.html](http://www.netslova.ru/malyarenko/luch.html)
16. Марченко А., *Никудашний* // http://lit.lib.ru/t/tamara_m/nikudishniy.shtml
17. Сохань И.П., *Райские девочки*, – М.: Альманах "Братина", 2009 // [http:// lit.lib.ru /s/sohanx_i_p/text_0090.shtml](http://lit.lib.ru/s/sohanx_i_p/text_0090.shtml) 2009
18. Шумак Н.Н., *Книжная девочка* // [http:// lit.lib.ru /s/shumak_n_n/ 2knizhnajade wochka.shtml](http://lit.lib.ru/s/shumak_n_n/2knizhnajadewochka.shtml)

(Toà soạn nhận bài viết ngày 16/9/2017, duyệt đăng ngày 30/9/2017)